

Bản án số: 05/2019/DS-ST
Ngày: 18 / 4 /2019
V/v tranh chấp hợp đồng
xây dựng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỈNH BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Ngọc Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Mai.
2. Bà Huỳnh Thị Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Văn Việt – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Phạm Hoàng Phong, Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 4 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 39/2018/TLST-DS ngày 12 tháng 4 năm 2018 về việc “*Tranh chấp hợp đồng đồng xây dựng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2019/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 3 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 11/2019/QĐST-DS ngày 29 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Huỳnh Thị Trúc P, sinh năm 1977, địa chỉ: ấp A, xã H, huyện Tịnh B, tỉnh An Giang, vắng mặt.

2. *Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:* Ông Trần Văn L, sinh năm 1967, địa chỉ: ấp Bình P, xã Bình C, huyện T, tỉnh An Giang, (Văn bản ủy quyền ngày 12/4/2018), có mặt.

3. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Phú X, sinh năm 1985, địa chỉ: ấp T, xã L, huyện B, tỉnh An Giang, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 02 tháng 4 năm 2018, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Huỳnh Thị Trúc P và Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Trần Văn L cùng thống nhất trình bày:

Vào tháng 3/2018, bà P và ông X có thỏa thuận thi công nhà của bà P, hai bên chỉ thỏa thuận miệng, không có làm hợp đồng, giá thi công thỏa thuận là 377.400.000 đồng hoàn thiện, giao nhận nhà, mọi thủ tục như giấy phép xây dựng, bằng vẽ xây dựng ông X cam kết sẽ làm hết cho bà P. Ông X tiến hành thi công từ ngày 06/3/2018 đến ngày 24/3/2018 thì ngưng thi công đến nay. Trong quá trình thi công thì ngày 14/3/2018, ông X có nhận tạm ứng tiền thi công 150.000.000 đồng. Từ ngày 06/3/2018 đến ngày 24/3/2018, ông X đã thi công được các hạng mục của căn nhà gồm: Đổ các trụ bê tông làm trụ cừ, đổ các đà để lắp miêng công, đào móng để chuẩn bị đóng cừ (các hạng mục này được thể hiện bằng các hình ảnh bà P đã cung cấp cho Tòa án). Sau khi thi công đến hết ngày 24/3/2018 thì ông X không tiếp tục xuống thi công nữa, không nói rõ lý do.

Bà P xác định tại thời điểm thi công nhà thì bà P và ông X chỉ thỏa thuận miệng mà không thành lập văn bản, khoảng mấy ngày sau ông X có đến gặp bà P để ký vào hợp đồng xây dựng không thể hiện ngày tháng. Mục đích của ký hợp đồng là để tạo niềm tin cho bà P để bà P cho ông X tạm ứng tiền thi công.

Trong quá trình ông X thi công, bà P có ghi lại ngày công cũng như bao nhiêu thợ chính, thợ phụ làm mỗi ngày, các ngày công này được thể hiện theo bảng chiết tính công thợ làm ngày 02/4/2018 mà bà P đã cung cấp cho Tòa án.

Do ông X tự ý ngưng thi công nhà, không nói rõ lý do nên đến khoảng tháng 5/2018, bà P thuê thợ thi công khác tiếp tục xây dựng nhà. Hiện tại căn nhà đã hoàn thành và đưa vào sử dụng.

Nay bà P yêu cầu ông X phải hoàn trả lại cho bà số tiền mà ông X tạm ứng thi công là 140.000.000 đồng, bà P đồng ý khấu trừ 10.000.000 đồng tiền công mà ông X đã tiến hành thi công từ ngày 06/3/2018 đến ngày 24/3/2018.

Bị đơn là ông Nguyễn Phú X trình bày: Vào tháng 3/2018, ông có thỏa thuận thi công xây dựng nhà cho bà P, giá thi công 1.200.000 đồng/m², ước tính tổng tiền công xây dựng là 400.000.000 đồng, thời hạn thi công là 4 tháng, tính từ tháng 3/2018.

Ông X bắt đầu thi công nhà cho bà P từ ngày 06/3/2018. Trong quá trình thi công nhà thì ngày 14/3/2018, ông X có nhận tạm ứng tiền thi công của bà P 150.000.000 đồng, nhận 02 lần: Lần 1 là 50.000.000 đồng; Lần 2 là 100.000.000 đồng, việc nhận tiền tạm ứng ông X có viết biên nhận tiền cho bà P, chữ viết và chữ ký tên trong biên nhận ngày 14/3/2018 là của ông X viết và ký tên. Sau khi tạm ứng tiền, ông X tiếp tục thi công được một thời gian nữa

khoảng 10 ngày thì ngưng thi công cho đến nay. Lý do ông X ngưng thi công là do phần đất thi công bà P chưa đứng tên quyền sử dụng nên không xin được giấy phép xây dựng.

Nay bà P yêu cầu ông X phải hoàn trả lại cho bà số tiền mà ông X tạm ứng thi công là 140.000.000 đồng, bà P đồng ý khấu trừ 10.000.000 đồng tiền công mà ông X đã tiến hành thi công từ ngày 06/3/2018 đến ngày 24/3/2018 thì ông X không đồng ý trả vì trong thực hiện hợp đồng ông không có lỗi, không có vi phạm, bà P mới là người có lỗi do phần đất thi công bà P chưa đứng tên quyền sử dụng nên không xin được giấy phép xây dựng nên không thể tiếp tục thi công được căn nhà.

Tòa án đã tổ chức hòa giải giữa các đương sự nhưng không thành.

Tại phiên tòa: Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Trần Văn L đồng ý khấu trừ thêm 5.000.000 đồng tiền công mà ông X đã tiến hành thi công từ ngày 06/3/2018 đến ngày 24/3/2018 như tiền thuê máy đào đất, vận chuyển các công cụ phục vụ xây dựng, tổng cộng là 15.000.000 đồng, yêu cầu ông X hoàn trả 135.000.000 đồng.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tịnh Biên:

- Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách đương sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, thực hiện tổng đạt các văn bản tố tụng, thu thập chứng cứ đúng quy định pháp luật. Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng từ khi thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử, tuy nhiên vẫn còn để án quá thời hạn chuẩn bị xét xử. Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định tố tụng tại phiên tòa.

- Về việc chấp hành pháp luật: Các đương sự đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa.

- Về nội dung vụ án:

Quan hệ pháp luật trong vụ án này là “Tranh chấp hợp đồng xây dựng” nhưng quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết xác định quan hệ “Tranh chấp đòi tài sản” là chưa chính xác.

Việc xác lập hợp đồng xây dựng giữa các đương sự trên cơ sở tự nguyện thỏa thuận. Tháng 3/2018, giữa ông X và bà P có thỏa thuận hợp đồng xây dựng nhà ở, ngày 14/3/2018 ông X có nhận ứng tiền của bà P là 150.000.000 đồng, sau đó ông X ngưng thi công mà không thông báo cho bà P nên đã vi phạm nghĩa vụ. Như vậy việc bà P khởi kiện yêu cầu ông X hoàn trả số tiền 135.000.000 đồng sau khi đã khấu trừ các khoản chi phí như tiền công thợ, tiền thuê máy đào đất, vận chuyển các công cụ phục vụ xây dựng, tổng cộng là 15.000.000 đồng là hoàn toàn có cơ sở chấp nhận.

Từ cơ sở trên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà P.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, người tham gia tố tụng và các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Tại thời điểm thụ lý vụ án, do nguyên đơn không cung cấp hợp đồng xây dựng, chỉ yêu cầu trả tiền tạm ứng thi công nhà nên Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Đòi tài sản”. Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn cung cấp hợp đồng xây dựng và qua thu thập chứng cứ Tòa án có căn cứ xác định lại quan hệ pháp luật tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng xây dựng”.

Bị đơn là ông X đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông X theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Bà P và ông X cùng thống nhất thừa nhận vào tháng 3/2018, bà P có thỏa thuận thuê ông X xây dựng nhà cho bà P tọa lạc tại ấp A, xã H, huyện B, tỉnh An Giang, giá thi công 1.200.000 đồng/m², thời hạn thi công là 4 tháng, ngày khởi công 06/3/2018, dự kiến hoàn thành nhà vào ngày 06/7/2018. Ông X bắt đầu thi công nhà cho bà P từ ngày 06/3/2018 đến ngày 24/3/2018 thì ngưng thi công. Trong quá trình thi công nhà thì vào ngày 14/3/2018, ông X có nhận tạm ứng tiền thi công của bà P 02 lần: Lần 1 là 50.000.000 đồng; Lần 2 là 100.000.000 đồng, tổng cộng là 150.000.000 đồng.

Xét hợp đồng xây dựng nhà được ký kết giữa bà P và ông X thấy rằng hợp đồng không thể hiện ngày, tháng, năm ký kết, ký tại đâu, trong hợp đồng đại diện bên B (Bên nhận thầu) là Công ty TNHH cơ khí xây dựng Bình D, địa chỉ trụ sở: Số 789, Quốc lộ 13, khu phố 3a, phường T, thị xã Bt, tỉnh Bình Dương do ông Nguyễn Phú X – Giám đốc đại diện, tuy nhiên hợp đồng không có xác nhận của công ty, không đóng con dấu mang tên công ty. Tại Công văn số 675/CV-ĐKKD ngày 28/9/2018 của Phòng đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cho biết Công ty TNHH cơ khí xây dựng B chưa bị chia tách, sáp nhập hay giải thể, vẫn còn đăng ký hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3702425432 ngày 23/12/2015. Hơn nữa việc ông X nhận tạm ứng tiền thi công của bà P 02 lần: Lần 1 là 50.000.000 đồng; Lần 2 là 100.000.000 đồng, tổng cộng là 150.000.000 đồng theo biên nhận ngày 14/3/2018 cũng không có xác nhận, phiếu thu của công ty. Như vậy việc ông X ký hợp đồng xây dựng nhà, nhận tiền tạm ứng thi công của bà P không nhân danh công ty mà với tư cách là cá nhân của ông X. Do đó ông X phải chịu trách nhiệm với tư cách là cá nhân trong giao dịch xây

dựng nhà với bà P, Công ty TNHH cơ khí xây dựng B không phải chịu trách nhiệm hay nghĩa vụ gì đối với bà P, chính vì thế Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết đưa Công ty TNHH cơ khí xây dựng B tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

Giữa bà P và ông X có lời khai mâu thuẫn, không thống nhất về lý do ngừng thi công nhà. Bà P thì cho rằng khi thỏa thuận xây dựng nhà ông X cam kết lo mọi thủ tục xây dựng nhà cho bà P như giấy phép xây dựng, bằng vẽ xây dựng, ông X tự ý ngưng thi công nhà, không nói rõ lý do và bà cũng không biết lý do vì sao ông X ngưng thi công. Phía ông X cho rằng lý do ngừng thi công là do phần đất thi công bà P chưa đứng tên quyền sử dụng nên không xin được giấy phép xây dựng. Xét thấy lời khai của ông X chưa có tính thuyết phục bởi lẽ ông X là giám đốc của một công ty xây dựng thì ông phải biết và hoàn thành các thủ tục pháp lý xây dựng nhà trước khi tiến hành thi công, trong khi đó ông lại thỏa thuận ký kết hợp đồng rồi tiến hành thi công. Hơn nữa bà P đã cung cấp cho Tòa án giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do bà đứng tên quyền sử dụng, đồng thời sau khi ông X ngưng thi công nhà thì bà P xin được giấy phép xây dựng và tiếp tục ký hợp đồng xây dựng nhà với ông Lê Thành Trọng theo hợp đồng thi công xây lắp công trình nhà ở gia đình ngày 29/3/2018. Qua xem xét thẩm định tại chỗ thì hiện tại ông Trọng đã thi công xong căn nhà, bàn giao cho bà P sử dụng. Như vậy việc ngưng thi công nhà không phải do lỗi của bà P mà ông X tự ý ngưng thi công nhà, không nói rõ lý do cho bà P, đây là lỗi thuộc về ông X. Đồng thời hợp đồng xây dựng nhà được ký kết giữa bà P và ông X xem như kết thúc kể từ thời điểm ông X ngưng thi công.

Từ cơ sở trên Hội đồng xét xử thấy rằng việc bà P khởi kiện yêu cầu ông X trả lại số tiền tạm ứng thi công nhà đã nhận của bà là có căn cứ, tuy nhiên cần phải khấu trừ chi phí mà ông X đã thi công nhà cho bà P từ ngày 06/3/2018 đến ngày 24/3/2018. Theo lời khai của bà P từ ngày 06/3/2018 đến ngày 24/3/2018, ông X đã thi công được các hạng mục gồm: Đổ các trụ bê tông làm trụ cừ, đổ đà để lắp miệng cống, đào móng để chuẩn bị đóng cừ, các hạng mục này được thể hiện bằng các hình ảnh bà P đã cung cấp cho Tòa án, vật liệu thi công là của bà P cung cấp, ông X chỉ mang dụng cụ, máy móc đến rồi thuê nhân công thi công, việc thi công mỗi ngày bà P đều có ghi sổ để xác định có bao nhiêu thợ chính, thợ phụ lao động. Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông X nhiều lần để yêu cầu ông X cung cấp tài liệu chứng cứ chứng minh chi phí thi công nhà cho bà P nhưng ông X vẫn vắng mặt. Do đó Tòa án căn cứ lời khai, tài liệu do bà P cung cấp làm cơ sở tính chi phí thi công nhà. Theo bảng kê công thợ làm do bà P cung cấp thể hiện từ ngày 06/3/2018 đến ngày 24/3/2018 có tổng cộng 50 ngày công, trong đó 21 ngày công thợ chính, 29 ngày công thợ phụ, thợ chính 240.000 đồng/ngày, thợ phụ 170.000 đồng/ngày, tổng thành tiền 10.000.000 đồng.

Tại các biên bản xác minh do Tòa án lập ngày 15/01/2019, ông Hồ Hoài T, ông Trần Thanh S cùng cho biết ông X có thuê ông T làm thợ chính,

ông S làm thợ phụ thi công nhà cho bà P, giá thuê thợ chính 250.000 đồng/ngày, thợ phụ 170.000 đồng/ngày, ông T làm được 10 ngày, ông S làm được 07 ngày thì ngưng; ngoài ra các ông còn cho biết giá thuê nhân công xây dựng công trình, nhà ở trên địa bàn xã A, huyện B đối với thợ chính mỗi ngày từ 240.000 đồng đến 250.000 đồng, thợ phụ mỗi ngày từ 170.000 đồng đến 180.000 đồng.

Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Trần Văn L đồng ý khấu trừ thêm 5.000.000 đồng tiền công mà ông X đã tiến hành thi công từ ngày 06/3/2018 đến ngày 24/3/2018 như tiền thuê máy đào đất, vận chuyển các công cụ phục vụ xây dựng.

Như vậy bà P khấu trừ chi phí mà ông X đã thi công nhà cho bà từ ngày 06/3/2018 đến ngày 24/3/2018 là 15.000.000 đồng, yêu cầu ông X trả lại số tiền 135.000.000 đồng là có căn cứ chấp nhận. Xét buộc ông X có trách nhiệm trả lại cho bà P số tiền 135.000.000 đồng.

[3] Về án phí:

Do yêu cầu khởi kiện của bà P được chấp nhận nên bà P không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, ông X phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[4] Về chi phí tố tụng:

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà P có tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 400.000 đồng. Do yêu cầu khởi kiện của bà P được chấp nhận nên ông X phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ. Buộc ông X có trách nhiệm hoàn trả cho bà P tiền tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 166, Điều 357, Điều 385, Điều 422, Điều 427 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 147, Điều 157, Điều 158, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Trúc P.

Buộc ông Nguyễn Phú X có trách nhiệm trả cho bà Huỳnh Thị Trúc P số tiền là 135.000.000 đồng (Một trăm ba mươi lăm triệu đồng).

2. Về chi phí tố tụng:

Bà Huỳnh Thị Trúc P không phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ.

Ông Nguyễn Phú X phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ. Buộc ông Nguyễn Phú X có trách nhiệm hoàn trả cho bà Huỳnh Thị Trúc P số tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 400.000 đồng (Bốn trăm ngàn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Huỳnh Thị Trúc P không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà Huỳnh Thị Trúc P số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.500.000 đồng (Ba triệu năm trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số TU/2016/0004127 ngày 12/4/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tịnh Biên.

Ông Nguyễn Phú X phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 6.750.000 đồng (Sáu triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng).

Đương sự, người đại diện hợp pháp của đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Thời hạn kháng cáo của đương sự vắng mặt tại phiên tòa là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện KSND huyện Tịnh Biên;
- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Chi cục THADS huyện Tịnh Biên;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lương Ngọc Dũng

